

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2025	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	96.680	153.923	159,21
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	2.654	1.478	55,68
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	8.570	9.088	106,04
3	Thu bổ sung	85.456	143.358	167,76
	- Thu bổ sung cân đối	12.756	5.972	46,82
	- Thu bổ sung có mục tiêu	72.700	137.386	
4	Thu chuyển nguồn		0	
5	Thu kết dư			
5	Thu kết dư ngân sách			
II	TỔNG SỐ CHI	96.680	134.264	138,88
1	Chi đầu tư phát triển	1.680	19.860	
2	Chi thường xuyên	94.524	114.405	121,03
3	Dự phòng	476		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		THỰC HIỆN QUÝ IV/2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	104.997	96.680	193.099	153.923	183,91	159,21
I	Các khoản thu 100%	2.654	2.654	9.967	1.478	375,56	55,68
1	Phí, lệ phí	368	368	359	72	97,63	19,63
2	Phí trước bạ nhà đất	1.902	1.902	8.558	942	449,96	49,54
3	Thu thuế tiêu thụ đặc biệt	60	60	64	56	106,58	93,56
4	Thu xử phạt ATGT	32	32	0	0	0,00	0,0
5	Thu khác và phạt các loại	77	77	378	89	491,50	115,05
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp			267	0		
7	Thuế tài nguyên			22	0		
8	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp (đất ở nông thôn)	215	215	319	319	148,22	148,22

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		THỰC HIỆN QUÝ IV/2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	16.887	8.570	39.774	9.088	235,53	106,04
1	Thuế giá trị gia tăng	3.272	1.559	9.317	661	284,75	42,39
2	Thuế thu nhập cá nhân	7.615	5.331	4.637	3.262	60,89	61,19
3	Tiền sử dụng đất	6.000	1.680	25.820	5.165	430,33	307,42
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			0			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			0	0		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	85.456	85.456	143.358	143.358	167,76	167,76
1	Thu bổ sung cân đối	12.756	12.756	5.972	5.972	46,82	46,82
2	Thu bổ sung mục tiêu	72.700	72.700	137.386	137.386	188,98	188,98

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			THỰC HIỆN QUÝ IV/2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	96.680	1.680	95.000	134.264	19.860	114.405	138,88		120,43
	Trong đó									
01	Chi giáo dục	50.811		50.811	45.099	0	45.099	88,76		88,76
02	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0	0	0			
03	Chi y tế	160		160	101	0	101	63,18		63,18
04	Chi văn hóa thông tin	1.902		1.902	923	235	689	48,55		36,21
05	Chi phát thanh, truyền hình	726		726	693	0	693	95,51		95,51
06	Chi thể dục, thể thao	684		684	346	0	346	50,55		50,55
07	Chi bảo vệ môi trường	2.114		2.114	721	0	721	34,11		34,11
08	Chi hoạt động kinh tế	4.213	1.680	2.533	22.442	19.534	2.909	532,69		114,83
09	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	25.328		25.328	47.527	91	47.435	187,64		187,28
10	Chi đảm bảo xã hội	6.291		6.291	7.930	0	7.930	126,05		126,05
11	Chi an ninh	1.964		1.964	1.181	0	1.181	60,13		60,13

12	Chi quốc phòng	2.010		2.010	1.111	0	1.111	55,25		55,25
13	Chi khác	0			166	0	166			
14	Tạm chi chưa đưa vào cân đối	0			6.025	0	6.025			
15	Dự phòng ngân sách	476		476	0	0	0	0,00		0,00